



MỤC LỤC

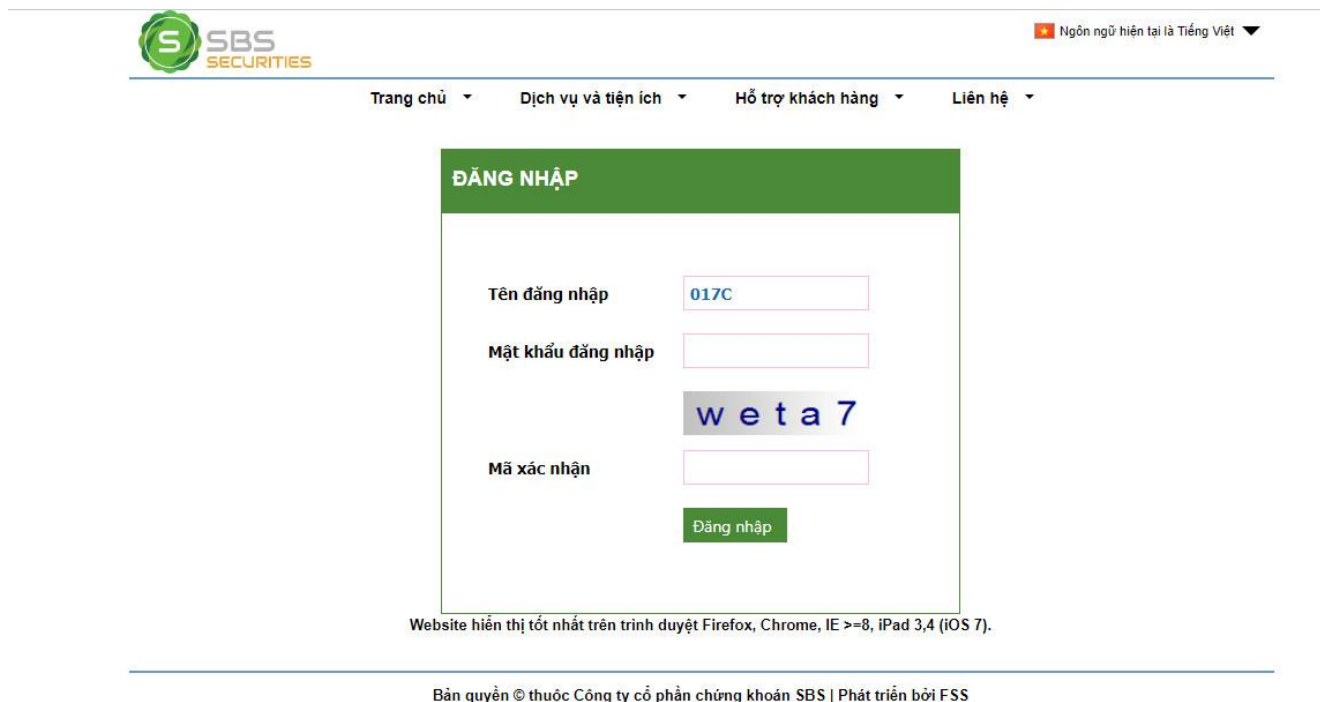
1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	4
1.1. Đăng nhập hệ thống.....	4
1.2. Xem bảng giá	5
1.2.1. Bảng giá số 1	5
1.2.2. Bảng giá số 2	6
1.2.3. Bảng giá số 3	7
1.3. Màn hình đặt lệnh	7
1.3.1. Đặt lệnh	7
1.3.2. Chứng khoán hiện có.....	10
1.3.3. Lệnh hoạt động.....	10
1.3.4. Sổ lệnh trong ngày.....	12
1.3.5. Giỏ lệnh	12
1.4. Tiện ích.....	13
1.4.1. Chuyển tiền.	13
1.4.2. Chuyển khoản chứng khoán.....	16
1.4.3. Đăng ký quyền mua.....	17
1.4.4. Chuyển đổi trái phiếu.	19
1.4.5. Xác nhận lệnh.....	20
1.4.6. Các khoản hỗ trợ ký quỹ.....	21
1.5. Tài khoản.....	21
1.5.1. Tổng hợp	21
1.5.2. Chứng khoán hiện có.....	22
1.5.3. Lịch sử ứng trước	23
1.5.4. Tra cứu số dư tiền.....	23
1.5.5. Tra cứu Sự kiện quyền.	23
1.6. Báo cáo	24
1.6.1. Lịch sử khớp lệnh.....	24
1.6.2. Lịch sử đặt lệnh	25
1.6.3. Lịch sử giao dịch tiền	25
1.6.4. Lịch sử giao dịch chứng khoán	26
1.6.5. Lãi lỗ đã thực hiện.....	27

1.7.	Cài đặt.....	28
1.7.1.	Thông tin tài khoản	28
1.7.2.	Đổi mật khẩu	29
1.7.3.	Cập nhật danh mục ưa thích.....	30
1.7.4.	Dịch vụ Email / SMS	30
1.7.5.	Đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch	31

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1.1. Đăng nhập hệ thống

Truy nhập vào màn hình đăng nhập hệ thống <https://strade.com.vn>

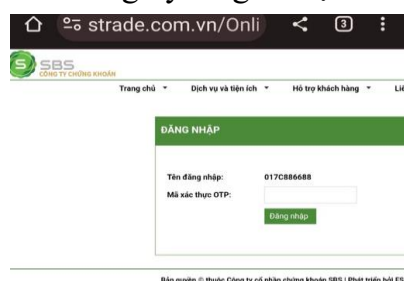


The screenshot shows the SBS STRADE login interface. At the top, there's a navigation bar with the SBS logo, a language selector set to 'Tiếng Việt', and menu items: 'Trang chủ', 'Dịch vụ và tiện ích', 'Hỗ trợ khách hàng', and 'Liên hệ'. The main content area is titled 'ĐĂNG NHẬP' (Login) in a green header. Below this, there are three input fields: 'Tên đăng nhập' (Username) with the value '017C', 'Mật khẩu đăng nhập' (Password), and 'Mã xác nhận' (Verification code) with a CAPTCHA image showing 'w e t a 7'. A green 'Đăng nhập' (Login) button is at the bottom. A note at the bottom states: 'Website hiển thị tốt nhất trên trình duyệt Firefox, Chrome, IE >=8, iPad 3,4 (iOS 7)'.

Bước 1: Nhập thông tin và Nhấn nút

Đăng nhập

- Tên đăng nhập: Số tài khoản chứng khoán.
- Mật khẩu đăng nhập: SBS cung cấp qua SMS/Email khi đăng ký dịch vụ trực tuyến.
- Mã xác nhận: Chuỗi ký tự hiển thị trong hình chữ nhật.
- Sau khi đăng nhập xong màn hình sẽ hiển thị thông tin tên đăng nhập và mã xác thực OTP vào SMS/Email mà Quý khách đã đăng ký để giao dịch bảo mật và an toàn



This screenshot shows the login page after successful authentication. The 'Tên đăng nhập' field now displays '017C88688'. The 'Mã xác thực OTP' field is empty. The 'Đăng nhập' button remains. The browser address bar shows 'strade.com.vn/Onli'. The same navigation bar and footer are present.

Bước 2: Thay đổi mật khẩu đăng nhập

Đối với khách hàng đăng nhập lần đầu tiên, hệ thống sẽ yêu cầu khách hàng thay đổi mật khẩu đăng nhập như hình sau:

Cài đặt

Thay đổi mật mã đăng nhập

Mật khẩu đăng nhập cũ

Mật khẩu đăng nhập mới

Nhập lại mật khẩu đăng nhập mới

Chú ý

Quy định cho mật mã: Chiều dài tối thiểu 6 ký tự, phải bao gồm chữ và số, không được bao gồm ký tự đặc biệt ngoại trừ "@".

- Mật khẩu cũ: Mật khẩu đăng nhập mà SBS cung cấp cho khách hàng.
- Mật khẩu mới: Mật khẩu mới do khách hàng quy định.
- Xác nhận mật khẩu: Nhập lại mật khẩu mới.
- Nhấn nút **Cập nhật** để xác nhận việc thay đổi mật khẩu.
- Nhấn nút **Làm mới** để nhập lại thông tin.

Sau khi cập nhật thành công hệ thống tự động quay trở lại màn hình đăng nhập để khách hàng đăng nhập lại với mật khẩu mới.

1.2. Xem bảng giá

1.2.1. Bảng giá số 1

- Khách hàng nhấn vào 1 để vào bảng giá số 1

SBS

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tiểu khoản

Margin.0001015579.Nguyen Van A

Mặc định

Ngày giao dịch: 13/10/2022

Đăng xuất

Danh mục

Danh mục đang nắm giữ

123

VNI: 1050.99 16.18 (1.56%) KL: 477,333,502

GT: 8,900 Tỷ TTIT: Đồng cửa

HNX: 224.74 1.31 (0.59%) KL: 36,681,058

GT: 610 Tỷ TTIT: Đồng cửa

UPCOM: 78.97 0.03 (0.03%) KL: 20,072,517

GT: 344 Tỷ TTIT: Đồng cửa

Mã CK	Trên	Sàn	TC	Đư mua					Giá khớp	KL khớp	+/-	Đư bán					Tổng KL	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán		
				Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1				KL1	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2							Giá 3	KL3
ACB	20	17.4	18.7	19.45	3.6	19.6	0.6	19.7	2	19.95	374.9	+1.25	19.95	2.7	20	239.1			3,901.8	18.7	19.95	18.5	0.1	0
HPG	20	17.4	18.7	19.35	47	19.4	22.5	19.45	10	19.5	1,720	+0.8	19.5	379.4	19.55	232.5	19.6	380	24,198.1	18.8	19.6	18.55	4,682.13	1,615.3
IDC	49.5	40.5	45	45.5	7.7	45.6	17	45.7	11.2	45.7	8.7	+0.7	45.8	21.3	45.9	19.2	46	79.8	2,635.7	45.9	46.2	44.9	854.9	0.3

Đơn vị giá: 1.000

Đơn vị khối lượng: 1.000

Xem bảng giá theo sàn giao dịch:

SBS

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tiểu khoản

Margin.0001015579.Nguyen Van A

Mặc định

Ngày giao dịch: 13/10/2022

Đăng xuất

Danh mục

Danh mục đang nắm giữ

Danh mục VNI đang nắm giữ

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

Danh mục HNX30

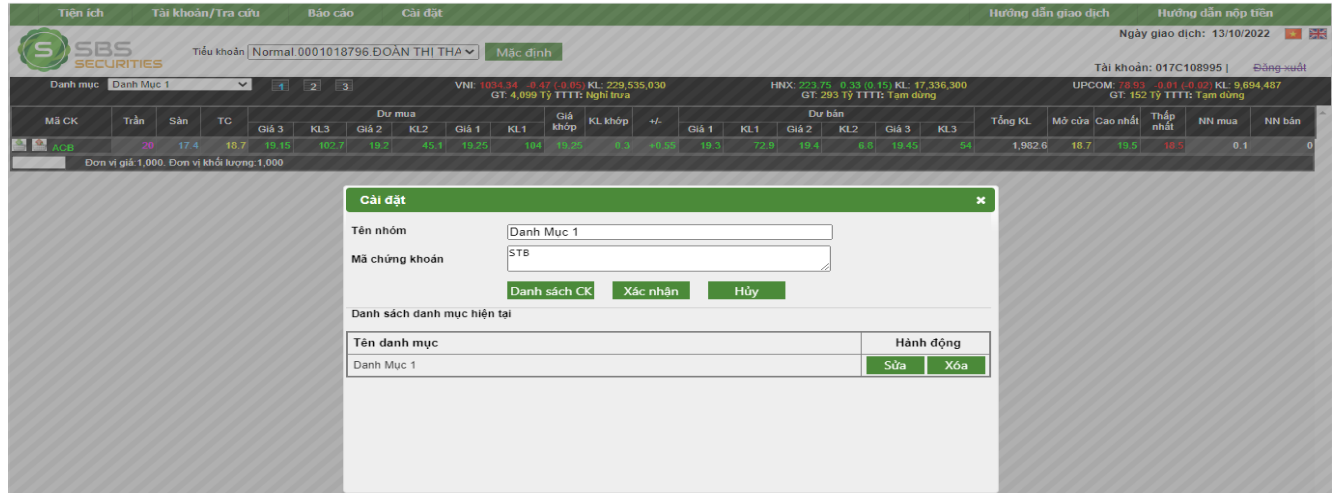
Danh mục HNX30</

- Chọn loại sàn trong phần danh mục:

- Danh mục đang nắm giữ: Bảng giá bao gồm các mã chứng khoán mà khách hàng hiện đang nắm giữ.
- Danh mục VN30.
- Danh mục HNX30.

- Danh mục tự tạo: Danh mục cổ phiếu yêu thích của khách hàng được tạo trong chức năng “**Cài đặt / Thêm danh mục yêu thích**”.

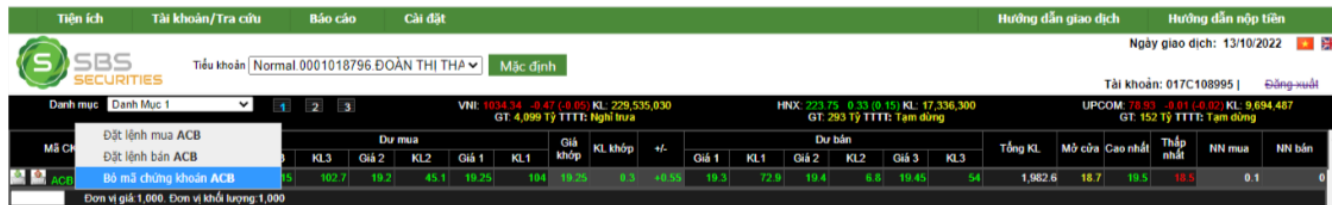
Tại danh mục chứng khoán yêu thích khách hàng thêm 1 mã chứng khoán vào danh mục yêu thích bằng cách nhập mã CK vào sau đó ấn Enter.



The screenshot shows the SBS Securities STRADE interface. At the top, there are navigation tabs: "Tiện ích", "Tài khoản/Tra cứu", "Bảo cáo", "Cài đặt", "Hướng dẫn giao dịch", and "Hướng dẫn nộp tiền". The "Cài đặt" tab is selected. Below the navigation bar, there is a header section with the SBS logo, account information (Tiểu khoản: Normal.0001018796 ĐOÀN THI THẠ), and a "Mặc định" button. The main area displays a table of stock prices and a "Cài đặt" dialog box. The dialog box has fields for "Tên nhóm" (Danh Mục 1) and "Mã chứng khoán" (STB). Below these fields are buttons for "Danh sách CK", "Xác nhận", and "Hủy". At the bottom of the dialog, there is a table showing the current list of stocks in the favorite list.

Tên danh mục	Hành động
Danh Mục 1	Sửa Xóa

- Để bỏ đi 1 mã chứng khoán trong danh mục yêu thích, khách hàng ấn chuột phải vào dòng mã chứng khoán đó, chọn “**Bỏ mã chứng khoán**”.



The screenshot shows the SBS Securities STRADE interface. The "Cài đặt" tab is selected. The main area displays a table of stock prices. A right-click context menu is open over the first row of the table, showing options: "Đặt lệnh mua ACB", "Đặt lệnh bán ACB", and "Bỏ mã chứng khoán ACB". The "Bỏ mã chứng khoán ACB" option is highlighted.

- Khách hàng có thể đặt lệnh trực tiếp từ tất cả các bảng giá bằng cách nhấn chuột phải vào dòng của mã chứng khoán muốn đặt lệnh => chọn “**Đặt lệnh mua ...**” hoặc “**Đặt lệnh bán ...**”, thông tin về Loại lệnh, Mã CK, và Giá sẽ được tự động cập nhật lên màn hình đặt lệnh.

1.2.2. Bảng giá số 2

- Khách hàng nhấn vào số 2 để vào bảng giá số 2: hiển thị thông tin chi tiết về 1 mã

☒ **Mua** ☐ **Bán**

Tiểu khoản: 0001015579.Margin
 Mã CK: ACB Tỷ lệ vay: 50
 Lệnh: LO
 Giá: 19.95 x1000
 Khối lượng: 5,000
 KL chia lệnh: 5,000 ☒ KI mặc định 1 lệnh
 HOSE: 500,000 - HNX: 999,900

☐ Tự động điền giá, khối lượng

Sức mua: 738,605,208
 Số dư tiền: 318,783,930
 KL mua tối đa: 36,702
 Sàn: HOSE - ACB
 Giá trần: 23.1
 Giá sàn: 20.1
 Giá TC: 18.7

✚ Khi khách hàng đặt lệnh bán, hệ thống sẽ hiển thị chứng khoán sẵn có trong tài khoản.

☐ **Mua** ☒ **Bán**

Tiểu khoản: 0001015579.Margin
 Mã CK: HPG Tỷ lệ vay: 50
 Lệnh: LO
 Giá: x1000
 Khối lượng:
 KL chia lệnh: 0 ☒ KI mặc định 1 lệnh
 HOSE: 500,000 - HNX: 999,900

☐ Tự động điền giá, khối lượng

Số dư tiền: 318,783,930
 Hiện có: 2,000
 Sàn: HOSE - HPG
 Giá trần: 21.1
 Giá sàn: 18.4
 Giá TC: 18.7

Nếu khách hàng có chọn hình thức mã Pin thì nhập thêm mã Pin.

☒ **Mua** ☐ **Bán**

Tiểu khoản: 0001015579.Margin
 Mã CK: ACB Tỷ lệ vay: 50
 Lệnh: LO
 Giá: 19.95 x1000
 Khối lượng: 5,000
 KL chia lệnh: 5,000 ☒ KI mặc định 1 lệnh
 Mã Pin: ☐ Lưu
 HOSE: 500,000 - HNX: 999,900

☐ Tự động điền giá, khối lượng

Sức mua: 719,028,070
 Số dư tiền: 318,783,875
 KL mua tối đa: 35,998
 Sàn: HOSE - ACB
 Giá trần: 21.3
 Giá sàn: 18.6
 Giá TC: 19.95

Bước 2: Nhấn nút hay để đặt lệnh.

Bước 3: Nhấn vào nút **Xác nhận** để duyệt đặt lệnh, **Sửa đổi** để từ chối và quay lại màn hình đặt lệnh.

Mô tả: Các lệnh đặt tam thời sẽ được đưa vào giỏ lệnh, chưa được vào sàn.

Bước 1: Nhập các thông tin: lệnh được chờ ở mục **Giỏ lệnh** để khách hàng có thể đưa vào sản phẩm một hay nhiều lệnh chờ cùng 1 lúc.

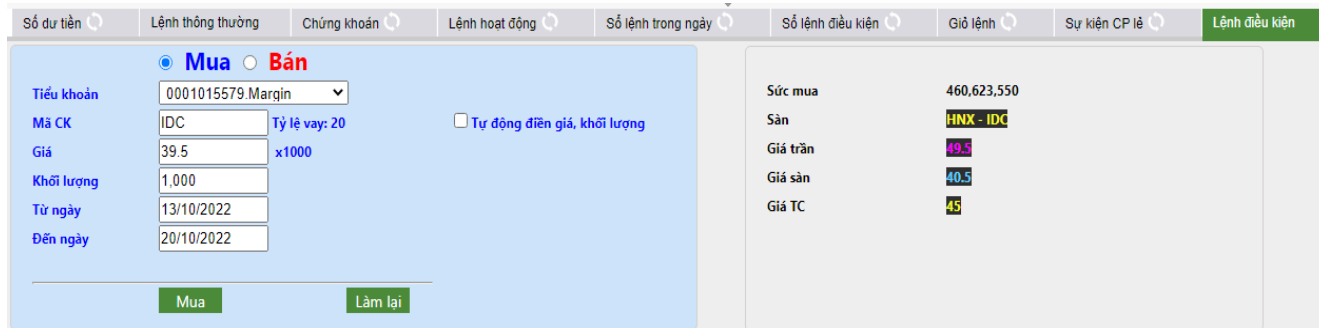
Bước 2: Nhấn nút **Đưa vào giỏ lệnh** để đưa lệnh vào Giỏ lệnh.

Bước 3: Khi đã đặt 1 loạt nhiều lệnh chờ, khách hàng có thể chọn những lệnh muốn đưa vào sàn và nhấn nút **Đặt**. Lúc này khách hàng có thể **đặt nhiều lệnh** cùng 1 lúc, hoặc có thể **hủy lệnh** chờ bằng cách nhấn vào nút **Hủy**.

1.3.1.3. Đặt lệnh điều kiện.

Lệnh điều kiện: là lệnh đặt trong khoảng thời gian nhất định. Khi thỏa điều kiện đặt lệnh (giá trong biên độ trần, sàn giao dịch, số dư tiền hoặc chứng khoán), lệnh sẽ được đưa vào sàn, nếu chưa thỏa điều kiện thì lệnh vẫn chờ ở hệ thống đến khi hết thời gian hiệu lực.

Bước 1: Nhập các thông tin đặt lệnh



Số dư tiền | **Lệnh thông thường** | **Chứng khoán** | **Lệnh hoạt động** | **Số lệnh trong ngày** | **Số lệnh điều kiện** | **Giới lệnh** | **Sự kiện CP lẻ** | **Lệnh điều kiện**

Mua ☐ **Bán** ☐

Tiểu khoản: 0001015579.Margin

Mã CK: IDC Tỷ lệ vay: 20 ☐ Tự động điền giá, khối lượng

Giá: 39.5 x1000

Khối lượng: 1,000

Từ ngày: 13/10/2022

Đến ngày: 20/10/2022

Mua **Làm lại**

Sức mua: 460,623,550

Sàn: HNX - IDC

Giá trần: 49.5

Giá sàn: 40.5

Giá TC: 45

Bước 2: Nhấn nút **Mua** hoặc nút **Bán** để đặt lệnh.



DUYỆT LỆNH ĐẶT

Lệnh điều kiện được đặt cho tài khoản: 017C105569

Mã CK ACB (HSX)

Giá sau cùng	Sàn	Trần	Thay đổi trong ngày	Mua	Bán	Cao trong ngày	Thấp trong ngày	Khối lượng	Ngày/Giờ (dd/mm/YYYY)
0	18,600	21,300	0	0	0	0	0	0	14/10/2022 08:48:10

Lệnh nhiều ngày:

Số lượng: 1,000

Lệnh **MUA** cổ phiếu sẽ được đặt vào hệ thống khi giá 16,000 VND nằm trong khoảng trần sàn

Loại GD: **Mua**

Mã CK: ACB

Khối lượng cổ phiếu: 1,000

Loại CK: Cổ phiếu thường

Giá trị ước tính (VND): 16,000,000

Phí của lệnh điều kiện (VND): 19,200

Tổng giá trị ước tính (VND): 16,019,200

Thời hạn: 0

Loại lệnh: 16

Giá hiện tại: 16

Giá bắt đầu: 16

Lệnh nhiều ngày: 0

Lệnh giới hạn: 16

Duyệt lệnh **Đóng**

Bước 3: Nhấn vào nút **Duyệt lệnh** để thực hiện duyệt đặt lệnh và khách hàng có thể xem lệnh điều kiện đã đặt ở màn hình “Số lệnh điều kiện”

Số dư tiền	Lệnh thông thường	Chứng khoán	Lệnh hoạt động	Số lệnh trong ngày	Số lệnh điều kiện	Giới lệnh	Sự kiện CP lẻ	Lệnh điều kiện	
M/B	Tiểu khoản	Mã CK	Kiểu lệnh	Giá đặt	Còn lại	Từ ngày	Đến ngày	Trạng thái	Hủy
Mua	0001015579	ACB	LO	16,000	1,000	14/10/2022	21/10/2022	Chờ xử lý	Hủy

Hệ thống sẽ kiểm tra điều kiện của lệnh vào đầu ngày:

- Nếu thỏa điều kiện lệnh sẽ được đẩy vào sàn và ở trạng thái “Hoạt động”
- Nếu chưa thỏa điều kiện thì lệnh không được đẩy vào sàn và ở trạng thái “Chờ xử lý”

lý”, có thể hủy các lệnh điều kiện chưa được đẩy vào sàn bằng cách nhấn nút

Hủy

1.3.2. Chứng khoán hiện có

Mô tả: Màn hình Chứng khoán hiện có hiển thị thông tin về các mã chứng khoán hiện có của khách hàng.

Số dư tiền		Lệnh thông thường		Chứng khoán		Lệnh hoạt động		Số lệnh trong ngày		Số lệnh điều kiện		Giỏ lệnh		Sự kiện CP lẻ		Lệnh	
Đặt lệnh	Mã CK	Tổng	Khả dụng	TL ký quỹ	Thường	Qua VSD	Hạn chế	Hưởng quyền	T0	T1	T2	Giá mua TB	Giá trị vốn	Giá TT	Giá trị TT		
	ACB	100	100	50	0	0	0	0	0	0	0	21,000	2,100,000	20,750	2,075,000		
	HPG	2,000	2,000	50	0	0	0	0	0	0	0	20,675	41,350,000	19,700	39,400,000		
	HSG_WFT	1,000	0	100	0	0	0	1,000	0	0	0	0	0	13,850	13,850,000		
	IDC	4,000	4,000	80	0	0	0	0	0	0	0	50,759	203,036,000	47,200	188,600,000		
	IDC_WFT	1,500	0	100	0	0	0	1,500	0	0	0	10,000	15,000,000	45,700	68,550,000		
Tổng													261,486,000	312,675,000			
Page 1 of 1 (5 items) 																	

- Khả dụng: là số lượng chứng khoán có thể bán và có thể chuyển nhượng.
- Tổng: Tổng số lượng tất cả các loại chứng khoán có trong tài khoản.

1.3.3. Lệnh hoạt động

Mô tả: Màn hình Lệnh hoạt động hiển thị thông tin về các lệnh còn hiệu lực, không bao gồm những lệnh khớp hết hoặc lệnh gốc đã sửa, đã hủy.

Số dư tiền

Lệnh thông thường

Chứng khoán

Lệnh hoạt động

Số lệnh trong ngày

Số lệnh điều kiện

Giỏ lệnh

Sự kiện CP lẻ

Lệnh điều kiện

M/B	Mã CK	Trạng thái	Kiểu lệnh	KL đặt	Giá đặt	Giá trị	KL khớp	Còn lại	Sửa	Hủy	Hủy hàng loạt
Mua	ACB	Đã gửi	LO	1,000	20,700	20,700,000	0	1,000	Sửa	Hủy	☐

Page 1 of 1 (1 items)

1

Khách hàng có thể thực hiện **Hủy / Sửa** lệnh tại màn hình “Lệnh hoạt động”

1.3.3.1. Sửa lệnh

Bước 1: Nhấn vào nút **Sửa** tại dòng lệnh muốn sửa.

DUYỆT LỆNH ĐẶT
✕

Số lưu ký	017C105569	Tiểu khoản	0001015579
Mã CK	ACB	Mua/Bán	NB
Loại lệnh	LO	Thời gian	10:05:02
KL khớp / KL đặt	1,000	Giá	20.7
Khối lượng	1,000	Giá	20.7

Lưu ý: Vui lòng kiểm tra cẩn thận thông tin lệnh sửa trên.

Xác nhận
Đóng

Bước 2: Nhập các thông tin và Nhấn nút Xác nhận để hoàn tất sửa lệnh.

1.3.3.2. Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút Hủy tại dòng lệnh muốn hủy

Lệnh hủy
✕

Mã CK	ACB	Khối lượng	1,000
Mã tài khoản	0001015579	Tên tài khoản	017C105569

Lưu ý: Vui lòng kiểm tra cẩn thận thông tin lệnh hủy trên.

Xác nhận
Đóng

Bước 2: Nhấn nút Xác nhận để hoàn tất việc hủy lệnh

Bước 3: Khách hàng có thể thực hiện hủy nhiều lệnh hoặc tất cả các lệnh một lúc bằng

cách đánh dấu ✓ vào ô Hủy hàng loạt ☐

Số dư tiền	Lệnh thông thường	Chứng khoán	Lệnh hoạt động	Số lệnh trong ngày	Số lệnh điều kiện	Giới lệnh	Sự kiện CP lẻ	Lệnh điều kiện			
M/B	Mã CK	Trạng thái	Kiểu lệnh	KL đặt	Giá đặt	Giá trị	KL khớp	Còn lại	Sửa	Hủy	Hủy hàng loạt
Mua	HPG	Chờ gửi	LO	2,000	19,700	39,400,000	0	2,000	Sửa	Hủy	☒
Mua	ACB	Đã gửi	LO	1,000	20,700	20,700,000	0	1,000	Sửa	Hủy	☒

Bước 4: Ấn nút Hủy hàng loạt để hủy lệnh

Hủy lệnh
✕

Tài khoản: 017C105569 Tên chủ tài khoản: Nguyen Van A

Mã CK	Mua/Bán	Khối lượng	Loại lệnh	Giá
HPG	Mua	2,000	LO	19,700
ACB	Mua	1,000	LO	20,700

Xác nhận
Đóng

Bước 5: Nhấn nút Xác nhận để xác nhận việc hủy lệnh.

Lệnh hủy
✕

Tiểu khoản: 0001015579 (Mua:HPG):Giao dịch thành công!
 Tiểu khoản: 0001015579 (Mua:ACB):Giao dịch thành công!

OK

Bước 6: Nhấn nút OK để hoàn tất việc hủy lệnh.

1.3.4. Sổ lệnh trong ngày

Mô tả: Màn hình Sổ lệnh trong ngày hiển thị tất cả các lệnh mà khách hàng đã đặt trong ngày.

Số dư tiền	Lệnh thông thường		Chứng khoán	Lệnh hoạt động		Số lệnh trong ngày	Số lệnh điều kiện	Giả lệnh	Sự kiện CP lẻ	Lệnh điều kiện						
	Tiểu khoản	Số lưu ký	Mã CK	Thời gian	M/B	Trạng thái	Kiểu lệnh	Đặt từ	KL đặt	Giá đặt	Giá trị	KL khớp	Giá khớp	Còn lại	Đã hủy	Đã sửa
+	Margin	017C105569	ACB	10:05:02	Mua	Đang hủy	LO	WebTrading	1,000	20,700	20,700,000	0	0	1,000	0	0
+	Margin	017C105569	HPG	10:23:04	Mua	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 2000/200	LO	WebTrading	2,000	19,700	39,400,000	0	0	0	2,000	0

Page 1 of 1 (2 items)

1

1.3.5. Giả lệnh

Mô tả: là các lệnh chờ mà khách hàng đã đặt và chờ đẩy lên sàn.

Số dư tiền	Lệnh thông thường	Chứng khoán	Lệnh hoạt động	Sổ lệnh trong ngày	Sổ lệnh điều kiện	Giáo lệnh	Sự kiện CP lẻ	Lệnh điều kiện		
Đặt ☐	Hủy	Số hiệu lệnh	Người đặt lệnh	Tiểu khoản	M/B	Mã CK	Kiểu lệnh	KL đặt	Giá đặt	Giá trị
☐	Hủy	22893	017C105569	0001015579	Mua	HPG	LO	2,000	21,000	42,000,000
☐	Hủy	22894	017C105569	0001015579	Bán	ACB	LO	100	23,000	2,300,000

Page 1 of 1 (2 items)

1

Tại màn hình này khách hàng có thể đặt từng lệnh hoặc một nhóm các lệnh bằng cách

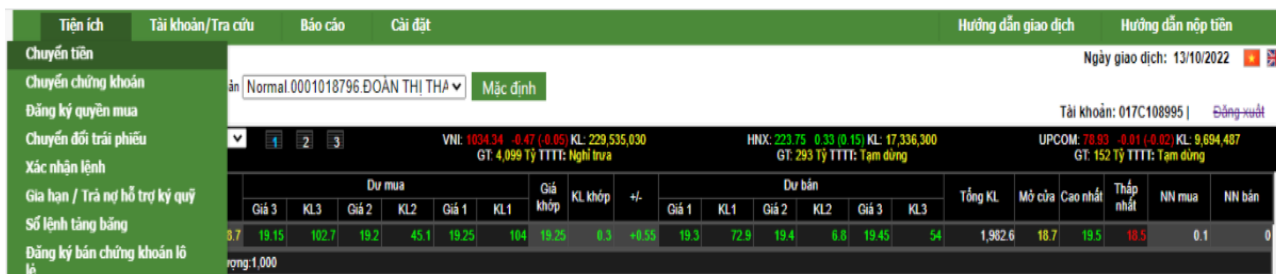
đánh dấu ✓ vào ô vuông bên cạnh các lệnh muốn đặt sau đó nhấn vào nút

Đặt

1.4. Tiện ích

1.4.1. Chuyển tiền.

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống và chọn “Tiện ích” => “Chuyển tiền”

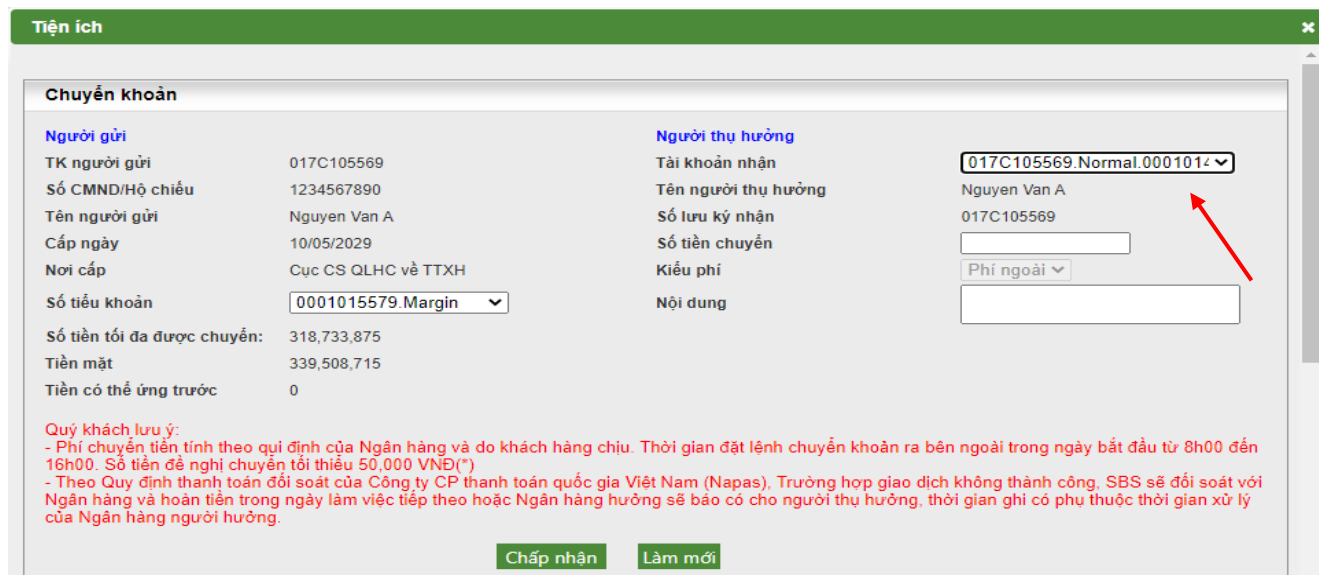


The screenshot shows the SBS trading platform interface. The top navigation bar includes 'Tiện ích', 'Tài khoản/Tra cứu', 'Bảo cáo', 'Cài đặt', 'Hướng dẫn giao dịch', and 'Hướng dẫn nộp tiền'. The 'Tiện ích' menu is open, showing options like 'Chuyển tiền', 'Chuyển chứng khoán', 'Đăng ký quyền mua', 'Chuyển đổi trái phiếu', 'Xác nhận lệnh', 'Gia hạn / Trả nợ hỗ trợ kỹ quỹ', 'Số lệnh tăng băng', and 'Đăng ký bán chứng khoán lỗ'. The main area displays account information for 'Normal.0001018796.ĐOÀN THI THẠ' and market data for various securities.

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền giữa các tiểu khoản trong cùng 1 tài khoản đang mở tại SBS hoặc có thể chuyển tiền ra ngoài với số tài khoản ngân hàng, tên người nhận đã được khai báo trước đó.

1.4.1.1. Chuyển tiền nội bộ

Bước 1. Chọn Tiểu khoản nhận là số tiểu khoản trong cùng số tài khoản chứng khoán.



The screenshot shows the 'Chuyển khoản' (Transfer) form in the SBS trading platform. The form is divided into two main sections: 'Người gửi' (Sender) and 'Người thụ hưởng' (Recipient). The 'Người gửi' section includes fields for 'TK người gửi' (017C105569), 'Số CMND/Hộ chiếu' (1234567890), 'Tên người gửi' (Nguyen Van A), 'Cấp ngày' (10/05/2029), 'Nơi cấp' (Cục CS QLHC về TTXH), 'Số tiểu khoản' (0001015579.Margin), 'Số tiền tối đa được chuyển' (318,733,875), 'Tiền mặt' (339,508,715), and 'Tiền có thể ứng trước' (0). The 'Người thụ hưởng' section includes fields for 'Tài khoản nhận' (017C105569.Normal.000101), 'Tên người thụ hưởng' (Nguyen Van A), 'Số lưu ký nhận' (017C105569), 'Số tiền chuyển' (input field), 'Kiểu phí' (Phí ngoài), and 'Nội dung' (input field). A red arrow points to the dropdown menu for selecting the recipient account.

Quý khách lưu ý:
 - Phí chuyển tiền tính theo quy định của Ngân hàng và do khách hàng chịu. Thời gian đặt lệnh chuyển khoản ra bên ngoài trong ngày bắt đầu từ 8h00 đến 16h00. Số tiền để nghị chuyển tối thiểu 50,000 VNĐ(“)
 - Theo Quy định thanh toán đối soát của Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas), Trường hợp giao dịch không thành công, SBS sẽ đối soát với Ngân hàng và hoàn tiền trong ngày làm việc tiếp theo hoặc Ngân hàng hưởng sẽ báo có cho người thụ hưởng, thời gian ghi có phụ thuộc thời gian xử lý của Ngân hàng người hưởng.

Chấp nhận **Làm mới**

Bước 2: Nhập Số tiền chuyển, nội dung chuyển.

Bước 3: Nhấn vào nút **Chấp nhận** để thực hiện chuyển tiền.

Xác nhận thông tin chuyển tiền
✕

Ngân hàng người thụ hưởng	
Ngân hàng người thụ hưởng	SBSC
Người thụ hưởng	
Tiểu khoản người nhận	0001014928
Tên người thụ hưởng	Nguyen Van A
Chi tiết	
Số tiền chuyển	20,000,000
Phí chuyển tiền	0
Thuế	0
Số tiền thực nhận	20,000,000
Nội dung	ct

Chấp nhận
Đóng

Chú ý: Bạn đang đặt lệnh chuyển tiền. Hãy xét duyệt cẩn thận.

Bước 4: Xác nhận thông tin chuyển tiền và nhấn nút Chấp nhận để hoàn tất giao dịch

Lưu ý: Đối với chuyển tiền nội bộ khách hàng không mất phí chuyển tiền và không phải nhập mã Pin nếu có đăng ký.

1.4.1.2. Chuyển tiền ra bên ngoài

Bước 1: Chọn Tài khoản thụ hưởng là số tài khoản ngân hàng mà khách hàng đã đăng ký trước đó.

+ Tài khoản thụ hưởng là tài khoản ngân hàng tại Sacombank:

Tiện ích
✕

Chuyển khoản

Người gửi		Người thụ hưởng	
TK người gửi	017C105569	Tài khoản nhận	0123456789: Ngân hàng Sac...
Số CMND/Hộ chiếu	1234567890	Tên người thụ hưởng	Nguyễn Văn A
Tên người gửi	Nguyen Van A	Số tiền chuyển	
Cấp ngày	10/05/2029	Kiểu phí	Phí ngoài ▾
Nơi cấp	Cục CS QLHC về TTXH	Nội dung	
Số tiểu khoản	0001015579.Margin ▾	Số CMND/Hộ chiếu	1234567890
Số tiền tối đa được chuyển:	318,733,875	Cấp ngày	22/06/2016
Tiền mặt	339,508,715	Nơi cấp	Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC
Tiền có thể ứng trước	0	Ngân hàng người thụ hưởng	Ngân hàng Sacombank
		Tỉnh/Thành phố - PGD/Chi nhánh	

Quý khách lưu ý:
 - Phí chuyển tiền tính theo qui định của Ngân hàng và do khách hàng chịu. Thời gian đặt lệnh chuyển khoản ra bên ngoài trong ngày bắt đầu từ 8h00 đến 16h00. Số tiền đề nghị chuyển tối thiểu 50,000 VNĐ(*)
 - Theo Quy định thanh toán đối soát của Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas), Trường hợp giao dịch không thành công, SBS sẽ đối soát với Ngân hàng và hoàn tiền trong ngày làm việc tiếp theo hoặc Ngân hàng hưởng sẽ bảo có cho người thụ hưởng, thời gian ghi có phụ thuộc thời gian xử lý của Ngân hàng người hưởng.

Chấp nhận
Làm mới

+ Tài khoản thụ hưởng là tài khoản ngân hàng khác Sacombank:

Tiện ích

Chuyển khoản

Người gửi
 TK người gửi: 017C105569
 Số CMND/Hộ chiếu: 1234567890
 Tên người gửi: Nguyen Van A
 Cấp ngày: 10/05/2029
 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Người thụ hưởng
 Tài khoản nhận: 123456789: Techcombank-NH
 Tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn A
 Số tiền chuyển:
 Kiểu phí: Phí ngoài
Phương thức chuyển
☒ liên ngân hàng 24/7
 (Tự động tách lệnh theo hạn mức tối đa : 499,000,000vnd/lệnh)
 Nội dung:
 Số CMND/Hộ chiếu: 0123456789
 Cấp ngày: 22/06/2016
 Nơi cấp: Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC
 Ngân hàng người thụ hưởng: Techcombank-NH TMCP Ky Thương Viet Nam
 Tỉnh/Thành phố - PGD/Chi nhánh: Thành phố Hồ Chí Minh - NHTMCP Ky Thương HCM

Số tiểu khoản: 0001015579.Margin
 Số tiền tối đa được chuyển: 297,723,655
 Tiền mặt: 297,773,655
 Tiền có thể ứng trước: 0

Quý khách lưu ý:
 - Phí chuyển tiền tính theo qui định của Ngân hàng và do khách hàng chịu. Thời gian đặt lệnh chuyển khoản ra bên ngoài trong ngày bắt đầu từ 8h00 đến 16h00. Số tiền để nghị chuyển tối thiểu 50,000 VNĐ(*)
 - Theo Quy định thanh toán đối soát của Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas). Trường hợp giao dịch không thành công, SBS sẽ đối soát với

- Nếu tài khoản thụ hưởng được mở tại Ngân hàng nằm trong danh sách tham gia kênh chuyển tiền là Kênh chuyển tiền nhanh 24/7 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas), màn hình sẽ hiển thị thêm nội dung phương thức chuyển khoản như bên trên.
- Số tiền chuyển tối đa theo phương thức này là 499.000.000vnd/lệnh (Nếu số tiền chuyển lớn hơn 499.000.000vnd, hệ thống sẽ tự động chia lệnh với mỗi lệnh có số tiền tối đa 499.000.000vnd sao cho tổng số tiền các lệnh bằng số tiền KH thực hiện).
- Trong trường hợp quý khách bỏ chọn tại mục phương thức chuyển “liên ngân hàng 24/7”: Và số tiền <500.000.000vnd thì lệnh vẫn chuyển “liên ngân hàng 24/7”; Và số tiền chuyển từ 500.000.000vnd trở lên thì lệnh sẽ được chuyển theo Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (CITAD).
- Nếu khách hàng đăng ký mã Pin thì nhập thêm mã Pin.

Tiện ích

Chuyển khoản

Người gửi
 TK người gửi: 017C105569
 Số CMND/Hộ chiếu: 1234567890
 Tên người gửi: Nguyen Van A
 Cấp ngày: 10/05/2029
 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Người thụ hưởng
 Tài khoản nhận: 0123456789: Ngan hang Saci
 Tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn A
 Số tiền chuyển: 10,000,000
 Kiểu phí: Phí ngoài
 Nội dung: chuyển tiền
 Số CMND/Hộ chiếu: 1234567890
 Cấp ngày: 22/06/2016
 Nơi cấp: Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC
 Ngân hàng người thụ hưởng: Ngân hàng Sacombank
 Tỉnh/Thành phố - PGD/Chi nhánh:

Số tiểu khoản: 0001015579.Margin
 Số tiền tối đa được chuyển: 318,733,875
 Tiền mặt: 339,508,715
 Tiền có thể ứng trước: 0

Mã Pin:

Quý khách lưu ý:
 - Phí chuyển tiền tính theo qui định của Ngân hàng và do khách hàng chịu. Thời gian đặt lệnh chuyển khoản ra bên ngoài trong ngày bắt đầu từ 8h00 đến 16h00. Số tiền để nghị chuyển tối thiểu 50,000 VNĐ(*)
 - Theo Quy định thanh toán đối soát của Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas). Trường hợp giao dịch không thành công, SBS sẽ đối soát với Ngân hàng và hoàn tiền trong ngày làm việc tiếp theo hoặc Ngân hàng hưởng sẽ bảo có cho người thụ hưởng, thời gian ghi có phụ thuộc thời gian xử lý của Ngân hàng người hưởng.

Chấp nhận
 Làm mới

Bước 2: Nhập thông tin và Nhấn nút **Chấp nhận** để thực hiện chuyển tiền.

Xác nhận thông tin chuyển tiền
✕

Ngân hàng người thụ hưởng

Ngân hàng người thụ hưởng	Ngân hàng Sacombank
Tỉnh/Thành phố	
PGD/Chi nhánh	Chi nhánh ngân hàng Sacombank

Người thụ hưởng

Số TK ngân hàng	0123456789
Tên người thụ hưởng	Nguyễn Văn A
Số CMND/Hộ chiếu	1234567890
Cấp ngày	22/06/2016
Nơi cấp	Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC

Chi tiết

Số tiền chuyển	1,000,000
Phí chuyển tiền	0
Thuế	0
Số tiền thực nhận	1,000,000
Nội dung	ct

Chấp nhận
Đóng

Chú ý: Bạn đang đặt lệnh chuyển tiền. Hãy xét duyệt cẩn thận.

Bước 3: Nhấn nút **Chấp nhận** để xác nhận hoàn tất lệnh chuyển tiền.

1.4.1.3. Lịch sử chuyển khoản

Mô tả: Màn hình Lịch sử chuyển khoản cho phép khách hàng tra cứu lịch sử các lần chuyển tiền mà khách hàng đã thực hiện trong khoảng thời gian nhất định (tối đa 180 ngày)..

Lịch sử chuyển khoản								
			Từ ngày 07/10/2022		Đến ngày 14/10/2022		Trạng thái	Tất cả
								Cập nhật
Ngày đặt lệnh	Ngày hiệu lực	Số chứng từ giao dịch	Số tiểu khoản	Số tiền chuyển	Trạng thái	Loại	Tên người thụ hưởng	Số l
14/10/2022	14/10/2022	6800000013	0001015579	10,000,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Nguyen Van A	01

Bước 1: Nhập các thông tin: Từ ngày, Đến ngày, Trạng thái.

Bước 2: Nhấn nút **Cập nhật** để hiển thị thông tin tra cứu.

1.4.2. Chuyển khoản chứng khoán.

Mô tả: Màn hình chuyển khoản chứng khoán cho phép khách hàng thực hiện chuyển chứng khoán giữa các tiểu khoản với nhau mà không cần phải trực tiếp đến công ty chứng khoán.

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Mục “Tiện ích “ => “Chuyển khoản chứng khoán”

Tiền ích	Tài khoản/Tra cứu	Báo cáo	Cài đặt	Hướng dẫn giao dịch	Hướng dẫn nộp tiền
Chuyển tiền	Chuyển chứng khoán	Đăng ký quyền mua	Chuyển đổi trái phiếu	Xác nhận lệnh	Gia hạn / Trả nợ hỗ trợ ký quỹ
Số lệnh tăng bằng	Đăng ký bán chứng khoán lỗ				

Ngày giao dịch: 13/10/2022

Tài khoản: 017C108995 | Đăng xuất

VN: 1094.34 - 4.47 (4.05) KL: 229.535,030
 GT: 4,099 Tỷ TTTE: Nghi lưư

HƯC: 223.76 - 0.33 (0.15) KL: 17.336,300
 GT: 293 Tỷ TTTE: Tạm đưư

UPCOM: 79.81 - 0.01 (0.01) KL: 9.694,487
 GT: 152 Tỷ TTTE: Tạm đưư

Dư mua						Giá khớp		+/-	Dư bán						Tổng KL	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá 1	KL1		Giá 2	KL2	Giá 3	KL3								
19.15	102.7	19.2	45.1	19.25	104	19.25	0.3	+0.55	19.3	72.9	19.4	6.8	19.45	54	1,982.6	18.7	19.5	18.5	0.1	

Bước 2: Nhập các thông tin, Nhấn nút **Chấp nhận** để thực hiện chuyển khoản chứng khoán.

Chuyển chứng khoán

Tiểu khoản chuyển: 0001015579.Margin
 Mã CK: ACB
 Số lượng tối đa có thể chuyển: 100
 Số lượng thực hiện chuyển:

Tiểu khoản nhận: 0001014928.Normal

Chấp nhận **Làm mới**

Màn hình xác nhận sẽ hiện ra:

Xác nhận thông tin chuyển chứng khoán

Người gửi

Tiểu khoản chuyển: 0001015579
 Mã CK: ACB

Người thụ hưởng

Tiểu khoản nhận: 0001014928

Chi tiết

Số lượng thực hiện chuyển: 100

Chấp nhận **Đóng**

Chú ý: Bạn đang đặt lệnh chuyển chứng khoán. Hãy xét duyệt cẩn thận.

Bước 3: Nhấn nút **Chấp nhận** để hoàn tất giao dịch.

1.4.3. Đăng ký quyền mua

1.4.3.1. Danh mục chứng khoán thực hiện quyền mua

Mô tả: Khách hàng có thể thực hiện đăng ký quyền mua của mình thông qua hệ thống Online mà không phải đến trực tiếp công ty chứng khoán.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống chọn “Tiện ích” => “Đăng ký quyền mua”

Tiền ích Tài khoản/Tra cứu Báo cáo Cài đặt Hướng dẫn giao dịch Hướng dẫn nộp tiền

Chuyển tiền Chuyển chứng khoán Đăng ký quyền mua Chuyển đổi trái phiếu Xác nhận lệnh Gia hạn / Trả nợ hỗ trợ kỳ quỹ Sổ lệnh tăng băng Đăng ký bán chứng khoán lỗ

Normal.0001018796 ĐOÀN THI THẠ Mặc định

Ngày giao dịch: 13/10/2022

Tài khoản: 017C108995 | Đăng xuất

VNI: 1001.79 -3.02(-0.29) KL: 243,666,430 HNX: 223.03 -0.4(-0.18) KL: 18,796,400 UPCOM: 78.81 -0.13(-0.17) KL: 10,327,387
 GT: 4,322 TTTT: KL liên tục GT: 321 TTTT: KL liên tục GT: 160 TTTT: KL liên tục

Dự mua						Dự bán						Tổng KL	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán			
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1									
71	4.96	15.3	4.67	4.68	0.5	4.68	0.5	0.03	4.69	5.5	4.71	3.1	4.72	35.9	1,662.9	4.8	4.6	4.67	51.3	77.4

ong: 1,000

Sau khi chọn, hệ thống chuyển sang màn hình:

Danh mục chứng khoán thực hiện quyền mua

STT	Tiểu khoản	Mã CK được hưởng quyền	Số lượng CK được mua	Số lượng đã đăng ký mua	Giá mua	Số tiền mua phải thanh toán	Đăng ký	Thông tin chi tiết quyền
1	0001014928	CII41401	10	0	1,000,000	10,000,000	Đăng ký	Xem

Bước 2: Chọn quyền mua muốn xem thông tin chi tiết về đợt thực hiện quyền thì nhấn nút **Xem**.

Thông tin chi tiết quyền mua

Tên chứng khoán :	CII41401	Loại chứng khoán :	Trái phiếu chuyển đổi
Ngày đăng ký cuối cùng	10/10/2022	Mã chứng khoán	CII41401
Tỉ lệ cổ phiếu sở hữu/ Quyền	1/1	Mệnh giá	10,000
Tỷ lệ quyền/Cổ phiếu được mua	99/1	Giá đặt mua	1,000,000
Thời gian chuyển nhượng	11/10/2022-18/10/2022	Thời gian nộp tiền	11/10/2022-18/10/2022

Đóng

Bước 3: Đăng ký quyền mua khách hàng sẽ nhấn nút **Đăng ký**

Đăng ký thực hiện quyền

Mã CK được hưởng quyền	Số lượng CK được mua	Giá mua	Số lượng CK đặt mua	Số tiền mua phải thanh toán
CII41401	10	1,000,000		0

☐ Tôi đồng ý trích tiền từ tài khoản của tôi chuyển sang tài khoản của công ty chứng khoán SBSC để đăng ký quyền mua chứng khoán!

Chấp nhận **Đóng**

Chú ý Bạn đang thực hiện đăng ký quyền mua. Hãy xét duyệt cẩn thận.

Bước 4: Khách hàng nhập Số lượng CK đặt mua và nhấp chọn “Tôi đồng ý...”.

Nhấn vào nút **Chấp nhận** để thực hiện Đăng ký quyền mua.

Lưu ý: Khi khách hàng đăng ký mua thì phải đảm bảo đủ “Số tiền phải thanh toán”.

1.4.3.2. Lịch sử đăng ký quyền mua

Khách hàng có thể tra cứu lịch sử đăng ký quyền mua tại Lịch sử đăng ký quyền mua ngay

bên dưới.

Lịch sử đăng ký quyền mua

Từ ngày Đến ngày

STT	Ngày đặt lệnh	Ngày hiệu lực	Loại lệnh	Mã CK được hưởng quyền	Số lượng chứng khoán đăng ký mua	Trạng thái	Ghi chú
1	14/10/2022	14/10/2022	Đăng ký quyền mua	CII41401	10	Hoàn tất	

Bước 1: Nhập các thông tin: Từ ngày, Đến ngày.

Bước 2: Nhấn vào nút để thực hiện việc tra cứu

1.4.4. Chuyển đổi trái phiếu

1.4.4.1. Danh mục chứng khoán thực hiện chuyển đổi trái phiếu.

Mô tả: Khách hàng có thể thực hiện đăng ký Chuyển đổi trái phiếu của mình thông qua hệ thống Online mà không phải đến trực tiếp công ty chứng khoán.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống chọn “Tiện ích” => “Chuyển đổi trái phiếu”.

Tiện ích Tài khoản/Tra cứu Báo cáo Cài đặt Hướng dẫn giao dịch Hướng dẫn nộp tiền

Chuyển tiền Chuyển chứng khoán Đăng ký quyền mua Chuyển đổi trái phiếu

Xác nhận lệnh Gia hạn / Trả nợ hỗ trợ ký quỹ Số lệnh tăng bằng Đăng ký bán chứng khoán lỗ

Tiểu khoản: Normal.0001014928.Nguyen Van A Mặc định Ngày giao dịch: 14/10/2022

Tài khoản: 017C105569 Đăng xuất

VNI: 1058.94 7.95/0.70 KL: 504.455.437 GT: 11.533 Tỷ TTTE KL Liên lục VND: 228.42 3.68/1.64 KL: 54.046.300 GT: 821 Tỷ TTTE KL Liên lục UPCOM: 86 1.83/1.31 KL: 37.121.185 GT: 418 Tỷ TTTE KL Liên lục

Dư mua				Dư bán				Tổng KL				Mở cửa				Cao nhất				Thấp nhất				NN mua		NN bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3		
29				27	0.4	27	0.3	29	0.2	33	0.1	33	0.2	29	0.2	33	0.2	29	0.2	33	0.2	29	0.2	33	0.2	29	0.2	33	0.2	29	0.2
19.95	20.6	155.3	20.65	65.4	20.7	92	20.75	43.4	20.8	127.9	20.85	37.7	2.212.6	20.5	20.9	20.2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0				19.5	19.4	361.9	19.45	205.7	19.5	277.4	19.55	0.1	+0.05	19.55	436.3	19.6	92.6	19.65	49.2	15.205.1	19.75	19.9	19.4	4,377.41	3,076.21	0	0	0	0	0	
0				50.2	41.2	45.7	47.3	73.6	47.4	17.9	47.5	13.4	47.6	1.8	+1.8	47.6	9.7	47.7	12.8	47.8	58.9	3,350	50	50	46.1	657.4	0.1	0	0	0	0

Đơn vị giá: 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000

Sau khi chọn, hệ thống chuyển sang màn hình:

Chuyển đổi trái phiếu

Mã TP	Mã CP	Ngày chốt	Số lượng TP sở hữu	Tỷ lệ chuyển đổi	Số lượng CP đã đăng ký	Số lượng CP được đăng ký	Ngày bắt đầu đăng ký	Ngày cuối cùng đăng ký	Đăng ký
CII41401	CII	10/10/2022	1,000	10/909	0	90,900	11/10/2022	20/10/2022	Đăng ký

Bước 2: Đăng ký nhận chứng khoán, khách hàng sẽ nhấn nút .

Đăng ký chuyển đổi trái phiếu

Mã TP: CII41401 Mã CP: CII Ngày chốt: 10/10/2022 Số lượng TP sở hữu: 1,000 Tỷ lệ chuyển đổi: 10/909 Số lượng CP được đăng ký: 90,900 Số lượng CP đã đăng ký: 0

Số lượng:

Nội dung:

☐ Tôi đồng ý đăng ký chuyển đổi TP - chọn nhận CP hoặc tiền

Chú ý! Bạn đang thực hiện đăng ký chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Hãy xét duyệt cẩn thận.

Bước 4: Khách hàng nhập Số lượng chứng khoán, Nhấn vào nút **Đồng ý** để thực hiện Đăng ký chuyển đổi trái phiếu.

1.4.4.2. Lịch sử đăng ký chuyển đổi trái phiếu.

Khách hàng có thể tra cứu lịch sử chuyển đổi trái phiếu tại Lịch sử chuyển đổi trái phiếu ngay bên dưới

Lịch sử chuyển đổi trái phiếu				
Từ ngày 07/10/2022 Đến ngày 14/10/2022 Cập nhật				
Ngày đăng ký	Mã chứng khoán	Số lượng đăng ký chuyển đổi	Tiền	Trạng thái
14/10/2022	CII41401	90,900	0	Hoàn thành

Bước 1: Nhập các thông tin: Từ ngày, Đến ngày.

Bước 2: Nhấn vào nút **Cập nhật** để thực hiện việc tra cứu.

1.4.5. Xác nhận lệnh.

Đối với những khách hàng đặt lệnh qua điện thoại thì vào chức năng Xác nhận lệnh để xác nhận thay cho việc ký phiếu lệnh, khi có lệnh cần xác nhận hệ thống sẽ cảnh báo như hình phía dưới.

		CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		Tài khoản Margin.0001015579.Nguyen Van A Mặc định		Ngày giao dịch: 14/10/2022																			
Danh mục Danh mục đang nắm giữ		VN: 1058.94 -0.95(-0.85%) KL: 437,232,937 GT: 9,909 Tỷ TT: KL Liên tục		HN: 228.19 -0.45(-1.54%) KL: 1 -47,092,700 GT: 704 Tỷ TT: KL Liên tục		Tài khoản: 017C105569 Đăng xuất																			
Mã CK		Trên	Sàn	TC	Dư mua			Giá khớp			KL khớp	±	Dư bán			Tổng KL			Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NH mua	NH bán		
		Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1
		33.3	24.7	29				27	0.4	27	0.3	-2	28.5	6.2	33	0.1	33.3	0.2	0.3	27	27	27	0	0	
		21.3	18.6	19.95	20.65	80.5	20.7	66.2	20.75	102.3	20.8	0.3	+0.85	20.8	43.1	20.85	29.6	20.9	27	1,990.4	20.5	20.9	20.2	0	0
		99,999.99	0.1	0																					
		20.85	18.15	19.5	19.35	254.3	19.4	86.3	19.45	119.4	19.45	1	-0.05	19.5	270.1	19.55	308.8	19.6	701.1	13,526.9	19.75	19.9	19.4	3,915.41	2,753.91
		50.2	41.2	45.7	47.2	15.8	47.3	19.6	47.4	20.8	47.5	0.1	+1.8	47.5	6.2	47.6	8	47.7	20.6	3,116.9	50	50	46.1	564	0.1
Đơn vị tính 1.000. Đơn vị khối lượng: 1.000																									

Sau khi chọn hiện ra màn hình:

Xác nhận lệnh

Mua/Bán Tất cả Từ ngày 27/02/2017 Đến ngày 14/10/2022 Cập nhật

Số hiệu lệnh	Ngày đặt lệnh	Mã CK	Thị trường	Mua/Bán	Loại lệnh	Đặt từ	Số lượng	Giá	Số hiệu lệnh tham chiếu	Số hiệu lệnh gốc	
8000141022000007	14/10/2022	STB	HOSE	Mua	LO	SBSC-Call	1,000	17,000		8000141022000007	☐

Xác nhận

Nhấn chọn dòng lệnh cần xác nhận và nhấn nút

Xác nhận

1.4.6. Các khoản hỗ trợ ký quỹ

Mô tả: Màn hình các khoản hỗ trợ ký quỹ thể hiện các món hỗ trợ ký quỹ của khách hàng.

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống chọn mục “Tiện ích/ Gia hạn/Trả nợ hỗ trợ ký quỹ”.

Tiện ích	Tài khoản/Tra cứu	Báo cáo	Cài đặt	Hướng dẫn giao dịch										Hướng dẫn nộp tiền					
Chuyển tiền	Ngày giao dịch: 14/10/2022																		
Chuyển chứng khoán	Tiểu khoản HTGDCK T+15 PHÍ 0.15% LS 10% (▼) Mặc định																		
Đăng ký quyền mua	Tài khoản: 017C009783 Đăng xuất																		
Chuyển đổi trái phiếu	VNINDEX: 1955.37 -4.38 (0.42%) KL: 538,396,326 HNX: 227.29 -2.55 (1.14%) KL: 57,152,300 UPCOM: 79.99 -1.02 (1.29%) KL: 39,317,485																		
Xác nhận lệnh	GT: 12,228 Tỷ TT: KL Liên lục GT: 872 Tỷ TT: KL Liên lục GT: 444 Tỷ TT: KL Liên lục																		
Gia hạn / Trả nợ hỗ trợ ký quỹ																			
Số lệnh tăng băng																			
Đăng ký bán chứng khoán lỗ																			
STB																			
Đơn vị giá 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000																			

Sau khi chọn hiện ra màn hình:

Trả nợ / Gia hạn										
Hành động		Số GD	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân	Ngày đáo hạn	Gốc đã trả	Gốc còn lại	Lãi cộng dồn	Tổng dư nợ	Lãi suất
Trả nợ	Gia hạn	248396	21/09/2022	328,992,750	07/11/2022	0	328,992,750	2,101,898	331,094,648	10
Trả nợ	Gia hạn	247508	07/09/2022	1,231,845,000	24/10/2022	0	1,231,845,000	12,660,629	1,244,505,629	10
Trả nợ	Gia hạn	246738	25/08/2022	1,006,006,750	10/10/2022	0	1,006,006,750	14,531,208	1,020,537,958	10
Trả nợ	Gia hạn	246449	22/08/2022	1,503,091,260	06/10/2022	1,084,716,293	418,374,967	174,322	418,549,289	10
				4,069,935,760		1,084,716,293	2,985,219,467	29,468,057	3,014,687,524	

Page 1 of 1 (4 items)

⏪

⏴

1

⏵

⏩

Page size: 10

Ở màn hình này khách hàng có thể thực hiện 2 chức năng **Trả nợ** và **Gia hạn**, đối với gia hạn khách hàng chỉ thực hiện yêu cầu, SBS sẽ xác nhận đồng ý yêu cầu gia hạn của khách hàng.

1.5. Tài khoản

1.5.1. Tổng hợp

Mô tả: Màn hình Tổng hợp là màn hình tra cứu tổng hợp, cho phép khách hàng tra cứu được số dư tiền, giá trị chứng khoán cũng như các khoản hỗ trợ ký quỹ hiện tại của khách hàng.

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống và chọn mục “Tài khoản/Tra cứu” => “Tổng hợp/Thông tin tiền và dư nợ”.

Tiền ích	Tài khoản/Tra cứu	Bảo cáo	Cài đặt	Hướng dẫn giao dịch	Hướng dẫn nộp tiền
Tổng hợp	Tổng hợp	Thông tin tiền và dư nợ	Thông tin tiền và dư nợ	Ngày giao dịch: 14/10/2022	Tài khoản: 017C105569 Đăng xuất
Lệnh điều kiện	Lệnh điều kiện	Danh mục nắm giữ	Danh mục nắm giữ		
Lệnh tăng băng	Lệnh tăng băng	Lịch sử ứng trước	Lịch sử ứng trước		
Danh mục	Số dư tiền				
Mã CK	Thông tin hỗ trợ				
	Sự kiện quyền				
	Danh mục chứng khoán T3/Margin				

Sau khi chọn sẽ hiện ra màn hình sau:

Tổng hợp			
Tiền và dư nợ			
1. Tiền tại SBSC		39,900,000	
- Tiền bán chờ về:		39,900,000	
2. Giá trị chứng khoán hiện có		4,518,560,000	
- Chứng khoán được phép ký quỹ:		4,474,600,000	
- Chứng khoán không được Ký quỹ:		43,960,000	
3. Phải trả		3,054,587,526	
- Nợ hỗ trợ Ký quỹ/T3:		3,014,687,526	
- Nợ hỗ trợ ứng trước:		39,900,000	
4. Tài sản thực có		1,503,872,474	

Ghi chú

- Giá trị chứng khoán được tính theo giá thị trường.
- Nhấn vào nút (+) để xem chi tiết.

1.5.2. Chứng khoán hiện có

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống và chọn “Tài khoản/Tra cứu” => “Tổng hợp/Danh mục nắm giữ”, màn hình thể hiện chi tiết số dư chứng khoán hiện có của khách hàng.

Tiền ích	Tài khoản/Tra cứu	Bảo cáo	Cài đặt	Hướng dẫn giao dịch	Hướng dẫn nộp tiền
Tổng hợp	Tổng hợp	Thông tin tiền và dư nợ	Thông tin tiền và dư nợ	Ngày giao dịch: 13/10/2022	Tài khoản: 017C108995 Đăng xuất
Lệnh điều kiện	Lệnh điều kiện	Danh mục nắm giữ	Danh mục nắm giữ		
Lệnh tăng băng	Lệnh tăng băng	Lịch sử ứng trước	Lịch sử ứng trước		
Danh mục	Số dư tiền				
Mã CK	Thông tin hỗ trợ				
	Sự kiện quyền				
	Danh mục chứng khoán T3/Margin				

Sau khi chọn sẽ hiện ra màn hình sau:

Tổng hợp													
Tiền và dư nợ													
Danh mục	Mã CK	Tổng	Khả dụng	TL ký quỹ	Thường	Qua VSD	Hạn chế	Hưởng quyền	T0	T1	T2	Giá mua TB	Giá trị vốn
A32	A32	5,000	5,000	100	0	0	0	0	0	0	0	10,000	50,000
CIH41401	CIH41401	1,000	1,000	100	0	0	0	0	0	0	0	1,000,000	1,000,000
CIH41401	CIH41401	10	0	100	0	0	0	10	0	0	0	1,000,000	10,000
Tổng												1,060,000	

Page 1 of 1 (3 items)

Có thể đặt lệnh Bán các mã chứng khoán hiện có bằng cách nhấn vào nút 

Lưu ý: Nút  chỉ hiện lên với các mã chứng khoán có số lượng chứng khoán khả dụng lớn hơn 0.

1.5.3. Lịch sử ứng trước

Mô tả: Màn hình Các khoản hỗ trợ ứng trước thể hiện các khoản hỗ trợ ứng trước chưa hoàn ứng của khách hàng.

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống và chọn mục “**Tài khoản**” => “**Lịch sử ứng trước**”

Tổng hợp

Tiền và dư nợ

Danh mục nắm giữ

Lịch sử ứng trước

Từ ngày01/09/2022Đến ngày14/10/2022

Cập nhật

Ngày bán	Ngày đặt lệnh	Ngày hiệu lực	Tiền bán CK (Đã trừ phí và thuế)	Số tiền ứng trước	Phí ứng trước	Số tiền ứng trước thực nhận	Số ngày ứng trước	Trạng thái	Nơi đặt lệnh
16/09/2022	16/09/2022	16/09/2022	146,975,940	146,890,341	211,869	146,678,472	4	Đã hoàn ứng	Sàn giao dịch
			146,975,940	146,890,341	211,869	146,678,472			

Page 1 of 1 (1 items)

1

1.5.4. Tra cứu số dư tiền.

Mô tả: Màn hình tra cứu số dư tiền thể hiện số tiền khả dụng của khách hàng.

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống và chọn mục “**Tài khoản/Tra cứu**” => “**Số dư tiền**”.

Tiện ích				Tài khoản/Tra cứu		Báo cáo		Cài đặt		Hướng dẫn giao dịch				Hướng dẫn nộp tiền																																					
S S C O N				Tổng hợp Lệnh điều kiện Lệnh tăng băng		HTGDCK T+15 PHÍ 0.15% LS 10% (▼) Mặc định				Ngày giao dịch: 14/10/2022 🇻🇳																																									
										Tài khoản: 017C009783 Đăng xuất																																									
Danh mục				Số dư tiền		VNI: 1057.44 6.45 (0.61) KL: 613,478,997 GT: 13,793 Tỷ TTIT: ATC				HNX: 228.14 3.4 (1.51) KL: 65,973,500 GT: 1,031 Tỷ TTIT: Định kỳ đóng cửa				UPCOM: 88.85 1.06 (1.36) KL: 43,690,785 GT: 501 Tỷ TTIT: KL Liên tục																																					
Mã CK				Thông tin hỗ trợ		Dư mua		Giá khớp		KL khớp		+/-		Dư bán				Tổng KL		Mở cửa		Cao nhất		Thấp nhất		NN mua		NN bán																							
Danh mục chứng khoán T3/Margin				Giá 2		KL2		Giá 1		KL1		5.8		17.35		0.3		+0.45		ATC		32		17.35		0.6		17.4		36.3		2,991		17.3		17.65		17.15		56.3		9.07									
CCI				17.4		0.8		ATC		5.8		17.35		0.3		+0.45		ATC		32		17.35		0.6		17.4		36.3		2,991		17.3		17.65		17.15		56.3		9.07											
QCG				6.47		5.63		6.05		6		6.02		6		6.1		29.2		6.28		0.1		+0.23		6.28		2.9		6.29		0.1		6.3		14.3		148.9		6.1		6.35		6.1		0.3		0			
STB				18.85		16.45		17.65		17.65		47.8		18.85		0.1		ATC		13.1		17.7		0.1		+0.05		ATC		188.5		17.6		30		17.65		100		24,302		18.1		18.1		17.45		3,182.1		4,717.3	
Đơn vị giá: 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000																																																			

Sau khi nhấp chọn, màn hình hiển thị như sau:

Số dư tài khoản

Tiểu khoản

Margin.0001015579.Nguyen Van A

Số dư tiền

Tiểu khoản	Sức mua	Tiền mặt	Số tiền khả dụng	Bảo lãnh	Ứng trước tối đa	Tổng nợ hỗ trợ	Cổ tức chờ về	Chờ nhận
0001015579	328,799,595	298,785,663	298,783,875	0	0	0	0	0

Ghi chú: Nhấn vào Số Tiểu Khoản để hiển thị chi tiết tiền "Chờ nhận" và "Ứng trước"

1.5.5. Tra cứu sự kiện quyền.

Mô tả: Màn hình tra cứu sự kiện quyền thể hiện các sự kiện quyền mà khách hàng đã từng được hưởng.

[illegible]

Sự kiện quyền

Từ ngày07/10/2022Đến ngày14/10/2022Trạng tháiTất cả

Cập nhật

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày chốt	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ	Số lượng chứng khoán chờ về	Số tiền chờ về	Ngày thực hiện dự kiến	Trạng thái
No data to display								

Page 1 of 0 (0 items)

1.6.1. Lịch sử khớp lệnh

Tiện ích		Tài khoản/Tra cứu		Bảo cáo		Cài đặt		Hướng dẫn giao dịch										Hướng dẫn nộp tiền			
 SBS CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		Danh mục Danh mục đang nắm giữ		Lịch sử khớp lệnh		Lịch sử đặt lệnh		Lịch sử giao dịch tiền		Lịch sử giao dịch chứng khoán		Ngày giao dịch: 14/10/2022 									
				Lịch sử khớp lệnh		Lịch sử đặt lệnh		Lịch sử giao dịch tiền		Lịch sử giao dịch chứng khoán		Ban có 1 lệnh cần xác nhận. Tài khoản: 017C105569 Đăng xuất									
				Lịch sử khớp lệnh		Lịch sử đặt lệnh		Lịch sử giao dịch tiền		Lịch sử giao dịch chứng khoán		UPCOM: 88.09 1 12(142) KL: 45,151,285									
				Lịch sử khớp lệnh		Lịch sử đặt lệnh		Lịch sử giao dịch tiền		Lịch sử giao dịch chứng khoán		GT: 512 Tỷ TT: KL Liên tục									
Mã CK		Trần	Sàn	TC	Giá 1		KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Tổng KL		Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán			
ASX2		33.3	24.7	29	27		9.4	27	9.3	29.5		9.2	33.3	0.2	0.3	27	27	27	0	0	
		34.3	4.6	19.05	37.75		65.2	39.8	63.3	37.7		65.2	39.8	63.3	2,398.9	79.5	79.5	79.5	0	0	

Lịch sử khớp lệnh

Lịch sử đặt lệnh

Sao kê giao dịch tiền

Sao kê giao dịch chứng khoán

Lỗi lỗi đã thực hiện

Từ ngày01/10/2022

Đến ngày14/10/2022

Mã CK

Loại giao dịchTất cả

Cập nhật

Đơn vị tính [Số lượng : Cổ phiếu | Tiền : VNĐ]

Số hiệu lệnh	Ngày	Mã CK	Loại giao dịch	Chi tiết giao dịch chứng khoán			Phí (VNĐ)	Thuế	Thực nhận / Chờ chuyển
				Khối lượng	Giá (VNĐ)	Giá trị (VNĐ)			
8000051022000028	05/10/2022	ACB	Mua	100	21,000	2,100,000	2,520	0	2,102,520
0001031022003038	03/10/2022	IDC	Bán	1,500	47,000	70,500,000	84,600	70,500	70,344,900
0001031022003038	03/10/2022	IDC	Bán	100	47,000	4,700,000	5,640	4,700	4,689,660
0001031022003038	03/10/2022	IDC	Bán	100	47,000	4,700,000	5,640	4,700	4,689,660
0001031022003038	03/10/2022	IDC	Bán	300	47,000	14,100,000	16,920	14,100	14,068,980
8000031022003022	03/10/2022	SZC	Bán	500	39,000	19,500,000	23,400	19,500	19,457,100
				428,380,000			514,056	289,000	427,911,456

Page 1 of 2 (21 items)

1

2

Page size: 20

- Bước 3:** Nhấn nút **Cập nhật** để hiển thị thông tin tìm kiếm lệnh khớp.

Bước 1: Chọn “Báo cáo” => “Lịch sử đặt lệnh”

Bước 2: Nhập các thông tin

- Từ ngày, Đến ngày
- Mã chứng khoán: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc để trống hệ thống sẽ mặc định là tất cả các mã chứng khoán mà khách hàng đang sở hữu
- Trạng thái

Bước 3: Nhấn nút **Cập nhật** để hiển thị thông tin báo cáo.

Bước 1: Chọn “Báo cáo” => “Lịch sử giao dịch tiền”

Tiền ích				Tài khoản/Tra cứu		Bảo cáo		Cài đặt		Hướng dẫn giao dịch				Hướng dẫn nộp tiền										
				Tiểu khoản		Lịch sử khớp lệnh Lịch sử đặt lệnh Lịch sử giao dịch tiền Lịch sử giao dịch chứng khoán Lãi/lỗ đã thực hiện		Mặc định		Ngày giao dịch: 13/10/2022														
										Tài khoản: 017C108995 Đăng-nhút														
										Danh mục: Danh mục đang nắm giữ														
										1034.58 -0.23(-0.02) KL: 275,535,430 GT: 4,938 TTTT: KL liên tục														
										HNO: 223.06 -0.36(-0.16) KL: 29,907,700 GT: 358 TTTT: KL liên tục				UPCOM: 78.74 -0.2(-0.26) KL: 11,672,487 GT: 180 Tỷ TTTT: KL liên tục										
Mã CK	Trên	Sàn	TC	Đư mua				Đư bán				Tổng KL				Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán				
				Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá khớp	KL khớp	±	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3						
 HNG	5.83	4.39	4.71	4.68	28.5	4.68	13.3	4.7	27.1	4.71	0.1	0	4.71	15.9	4.72	35.2	4.73	58.5	1,840.3	4.8	4.8	4.67	57.4	115.6
Đơn vị giá: 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000																								

Bước 2: Nhập các thông tin:

Lịch sử khớp lệnh	Lịch sử đặt lệnh	Sao kê giao dịch tiền	Sao kê giao dịch chứng khoán	Lãi lỗ đã thực hiện
-------------------	------------------	-----------------------	------------------------------	---------------------

Từ ngày Đến ngày

Ngày	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư	Mô tả
	Tăng	Giảm		
	0	0	318,785,663	Dư đầu kỳ
14/10/2022	0	10,000,000	308,785,663	Chuyển khoản tiền nội bộ (online) từ 0001015579/ 10,000,000 đến 0001014928 (Online)
14/10/2022	0	10,000,000	298,785,663	Chuyển khoản ra ngoài online từ 017C105569 số tiền 10000000 đến TK 0123456789 (Online)
	0	0	298,785,663	
	00	20,000,000		

Page 1 of 1 (5 items) 1 Page size: 20

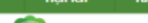
➤ Từ ngày, Đến ngày

Bước 3: Nhấn nút để hiển thị thông tin báo cáo.

Bước 4: Nhấn vào nút để kết xuất ra file PDF hoặc file Excel.

1.6.4. Lịch sử giao dịch chứng khoán

Bước 1: Chọn “ Báo cáo ” => “ Lịch sử dịch chứng khoán ”

Tiện ích				Tài khoản/Tra cứu				Bảo cáo				Cài đặt				Hướng dẫn giao dịch				Hướng dẫn nộp tiền				
				Tiểu khoản				Lịch sử khớp lệnh Lịch sử đặt lệnh Lịch sử giao dịch tiền				Mặc định				Ngày giao dịch: 13/10/2022				 				
Danh mục				Danh mục đang nắm giữ				Lịch sử giao dịch chứng khoán				: 1034.58 - 0.17(-0.02) KL: 299,309,930 GT: 5,396 Tỷ TT: KL liên tục				HNO: 224.15 - 0.73(-0.32) KL: 25,459,648 GT: 419 Tỷ TT: KL liên tục				UPCOM: 78.7 - 0.24(-0.31) KL: 12,516,687 GT: 194 Tỷ TT: KL liên tục				
				Lãi/lỗ đã thực hiện																Tài khoản: 017C108995 Đăng-nhút				
Mã CK	Trên	Sàn	TC	Giá mua				Giá khớp				Giá bán				Tổng KL				Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán
				Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá khớp	KL khớp	±	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3						
 HNG	5.83	4.39	4.71	4.68	14.4	4.7	46.9	4.71	7.4	4.72	8.8	+8.81	4.72	29.8	4.73	61	4.74	6.9	1,970.9	4.8	4.8	4.67	61.7	130
Đơn vị giá: 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000																								

Bước 2: Nhập các thông tin:

- Khách hàng chọn 1 mã chứng khoán hoặc tất cả các mã chứng khoán khách hàng đang sở hữu để tạo báo cáo
- Từ ngày, Đến ngày

Lịch sử khớp lệnh
 Lịch sử đặt lệnh
 Sao kê giao dịch tiền
 Sao kê giao dịch chứng khoán
 Lãi lỗ đã thực hiện

Mã CK
 Từ ngày
 Đến ngày

Ngày	Mã CK	Chi tiết giao dịch chứng khoán		Mô tả
		Tăng	Giảm	
07/10/2022	ACB	100	0	Mua 100 ACB ngày 05/10/22

Page 1 of 1 (1 items)

 Page size: 20

Bước 3: Nhấn nút **Cập nhật** để hiển thị thông tin báo cáo.

Bước 4: Nhấn vào nút **Xuất ra PDF** **Xuất ra Excel** để kết xuất ra file PDF hoặc file Excel.

1.6.5. Lãi lỗ đã thực hiện

Bước 1: Chọn “ Báo cáo ” => “Lãi lỗ đã thực hiện”

Tiền ích

Tài khoản/Tra cứu

Báo cáo

Cài đặt

SBS SECURITIES

Tiểu khoản

Lịch sử khớp lệnh

Lịch sử đặt lệnh

Lịch sử giao dịch tiền

Lịch sử giao dịch chứng khoán

Lãi/lỗ đã thực hiện

Mặc định

Ngày giao dịch: 13/10/2022

Tài khoản: 017C108995 | Đăng xuất

Danh mục

Danh mục đang nắm giữ

1035.42 0.61(0.66) KL: 300,927,530
GT: 5,427 TTTT: KL Liên tục

HNX: 224.13 0.7(0.31) KL: 25,526,448
GT: 421 TTTT: KL liên tục

UPCOM: 78.68 -0.26(-0.33) KL: 12,532,487
GT: 194 Tỷ TTTT: KL Liên tục

Mã CK	Trên	Sàn	TC	Dư mua				Giá khớp	±	Dư bán				Tổng KL	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán					
	Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1				Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3									
HNG	5.03	4.39	4.71	4.69	14.4	4.7	46.9	4.71	28.4	4.72	6.6	+0.81	4.72	40.3	4.73	61	4.74	6.9	1,970.9	4.0	4.0	4.67	61.7	130

Đơn vị giá: 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000

Bước 2: Nhập các thông tin:

Lịch sử khớp lệnh
 Lịch sử đặt lệnh
 Sao kê giao dịch tiền
 Sao kê giao dịch chứng khoán
 Lãi lỗ đã thực hiện

Từ ngày
 Đến ngày
 Mã CK

Ngày	Mã CK	Khối lượng bán	Giá bán	Giá trị bán	Giá vốn	Giá trị vốn	Lãi/Lỗ	%
03/10/2022	IDC	2,000	47,000	94,000,000	0	0	94,000,000	
03/10/2022	SZC	5,000	39,000	195,000,000	0	0	195,000,000	
Tổng		7,000		289,000,000	00	289,000,000		

Page 1 of 1 (2 items)

 Page size: 20

- Từ ngày, Đến ngày
- Mã chứng khoán: Khách hàng chọn 1 mã chứng khoán hoặc tất cả các mã chứng khoán khách hàng đang sở hữu để tạo báo cáo

Bước 3: Nhấn nút **Cập nhật** để hiển thị thông tin báo cáo.

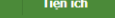
Bước 4: Nhấn vào nút **Xuất ra PDF** **Xuất ra Excel** để kết xuất ra file PDF hoặc file Excel.

1.7. Cài đặt

1.7.1. Thông tin tài khoản

1.7.1.1. Lịch sử đăng nhập

Bước 1: Chọn “ Cài đặt =>” Thông tin tài khoản”

Tiện ích		Tài khoản/Tra cứu		Báo cáo		Cài đặt		Hướng dẫn giao dịch		Hướng dẫn nộp tiền														
 SBS CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	Tiểu khoản			Thông tin tài khoản				Ngày giao dịch: 14/10/2022 																
				Đổi mật khẩu đăng nhập																				
				Cập nhật danh mục yêu thích																				
				Dịch vụ Email/SMS				Tài khoản: 017C105569 Đăng xuất																
				Đăng ký/ hủy hình thức xác thực giao dịch				UPCOM: 60.16 1.19 (1.51) KL: 50.246,885 GT: 552 Tỷ TTĐT: Đồng cửa																
Danh mục		Danh mục đang nắm giữ		1		2		3		597		HNX: 227.89 3.15 (1.4) KL: 69.617.400 GT: 1,085 Tỷ TTĐT: Đồng cửa												
Mã CK	Trần	Sàn	TC	Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá khớp	KL khớp	±	Giá 1	KL1	Giá 2	KL2	Giá 3	KL3	Tổng KL	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán
 AS2	33.3	24.7	29					27	0.4	27	0.3	-	29.5	0.2	33	0.1	33.3	0.2	0.3	27	27	27		0

Bước 2: Nhập các thông tin

Thông tin cá nhân

Tên đầy đủ	Nguyen Van A	Giới tính	Nữ
Số CMND/Hộ chiếu	1234567890	Địa chỉ nhà riêng	4320 Nam Ky Khoi Nghia, P.8, Q.3, TPHCM
Ngày cấp	10/05/2029	Nơi cấp	Cục CS QLHC về TTXH
Ngày sinh	14/02/1990	Số điện thoại di động	0962686868
Địa chỉ email			

Lịch sử đăng nhập

Từ ngày 07/10/2022 Đến ngày 14/10/2022 **Tìm**

Thời gian đăng nhập	Địa chỉ IP đăng nhập	Kênh đăng nhập
14/10/2022 14:34:21	192.168.15.161	Web
14/10/2022 14:25:03	192.168.15.161	Web
14/10/2022 14:02:05	192.168.15.161	Web

- Từ ngày, Đến ngày

Bước 3: Nhấn nút **Tìm** để hoàn tất việc tìm kiếm

1.7.1.2. Tìm kiếm thay đổi thông tin

Mô tả: Hệ thống hỗ trợ khách hàng tra cứu lịch sử những lần thay đổi thông tin liên lạc mà khách hàng đã thực hiện trước đó

Bước 1: Chọn “Cài đặt” => “Thông tin tài khoản”

Tìm kiếm thay đổi thông tin

Từ ngày Đến ngày

Ngày thay đổi	Giờ thay đổi	Giá trị thay đổi	Giá trị cũ	Giá trị mới

No data to display

Bước 2: Nhập các thông tin

- Từ ngày
- Đến ngày

Bước 3: Nhấn nút để hoàn tất việc tìm kiếm
1.7.2. Đổi mật khẩu
Bước 1: Chọn “Cài đặt” => “Đổi mật khẩu”

Tiễn ích | Tài khoản/Tra cứu | Bảo cáo | **Cài đặt** | Hướng dẫn giao dịch | Hướng dẫn nộp tiền

SBS SECURITIES | Tiểu khoản: Normal.0001010 | Ngày giao dịch: 13/10/2022

Danh mục: Danh mục đang nắm giữ | | |

Đăng ký/ hủy hình thức xác thực giao dịch

HUY: 224.06 0.63(0.28) KL: 25,577,048
 GT: 422 TTTT: KL liên tục
 UPCOM: 76.67 -0.27(0.35) KL: 12,661,287
 GT: 196 Tỷ TTTT: KL liên tục

Mã CK	Trần	Sàn	TC	Giá 3						Giá 2						Giá 1						Tổng KL	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	NN mua	NN bán
				KL3	KL2	KL1	KL3	KL2	KL1	KL3	KL2	KL1	KL3	KL2	KL1												
HNG	5.63	4.39	4.71	4.90	14.4	4.7	47.1	4.71	27.4	4.72	1	+0.01	4.72	52.4	4.73	61	4.74	6.9	1,976.5	4.8	4.8	4.67	61.7	130			

Đơn vị giá: 1,000. Đơn vị khối lượng: 1,000

Bước 2: Nhập các thông tin:

Thay đổi mật mã đăng nhập

Mật khẩu đăng nhập cũ

Mật khẩu đăng nhập mới

Nhập lại mật khẩu đăng nhập mới

Chú ý

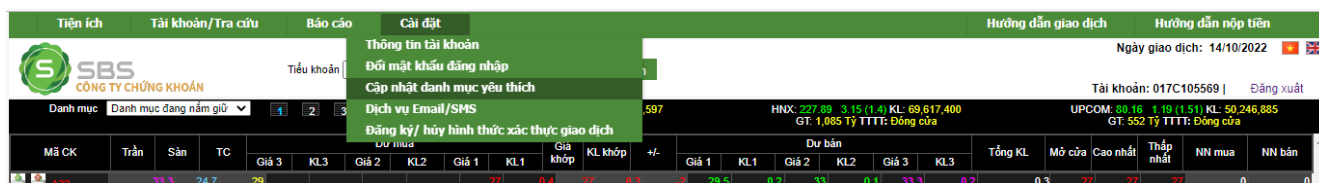
_ Quy định cho mật mã: Chiều dài tối thiểu 6 ký tự, phải bao gồm chữ và số, không được bao gồm ký tự đặc biệt ngoại trừ "@".

- Mật khẩu cũ
- Mật khẩu mới
- Xác nhận mật khẩu mới

Bước 3: Nhấn nút để thực hiện thay đổi mật khẩu giao dịch hoặc để nhập lại thông tin

1.7.3. Cập nhật danh mục yêu thích

Bước 1: Chọn mục “Cài đặt” => “Cập nhật danh mục ưa thích”



Bước 2: Điền các thông tin Tên nhóm, Mã chứng khoán

Cài đặt
✕

Tên nhóm

Mã chứng khoán

Danh sách CK

Xác nhận

Hủy

Danh sách danh mục hiện tại

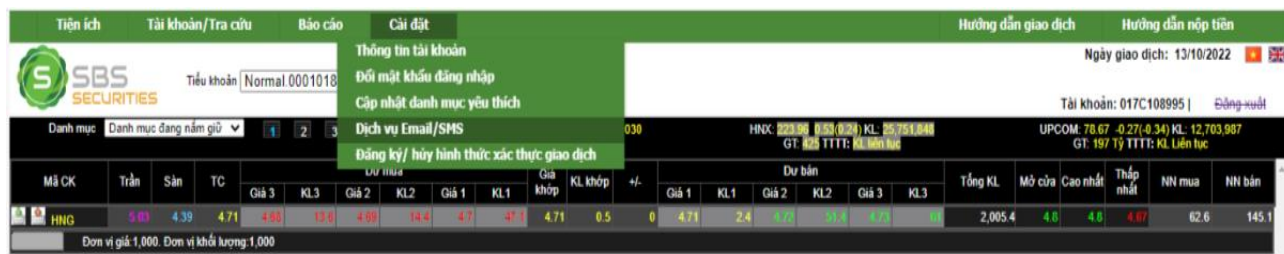
Tên danh mục	Hành động
Đầu tư	Sửa Xóa
CuiBap	Sửa Xóa
UPCOM	Sửa Xóa
Test	Sửa Xóa
Quyet Coi	Sửa Xóa

Nhấn nút **Danh sách CK** để chọn mã chứng khoán muốn thêm vào. Nhấn nút **Xác nhận** để hoàn tất việc tạo danh mục ưa thích. Nhấn nút **Hủy** để điền lại thông tin.

Muốn thay đổi thông tin danh mục đã tạo nhấn nút **Sửa**. Để xóa danh mục đã tạo nhấn nút **Xóa**.

1.7.4. Dịch vụ Email / SMS

Đăng nhập vào hệ thống và chọn mục “Cài đặt” => “Dịch vụ Email / SMS”



Mô tả: Màn hình Dịch vụ Email/SMS cho phép khách hàng đăng ký dịch vụ Email và SMS

Nhận tin qua Email/SMS

Đăng ký	Mã Email/SMS	Tên mẫu Email, SMS	Loại	Mẫu đã đăng ký hay chưa	Cho phép thực hiện đăng ký hoặc hủy đăng ký
☒	011S	SMS phân bổ cổ tức bằng tiền	SMS	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	012S	SMS phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu	SMS	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	014S	SMS tư vấn đầu tư	SMS	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☐	0666	... 0666	SMS	Chưa đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	214E	... 214E	Email	Đã đăng ký	Không cho phép thay đổi
☒	321S	SMS quyền mua phát hành thêm	SMS	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	322S	SMS đăng ký quyền mua	SMS	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	324S	SMS tặng giảm tiền	SMS	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	327E	EMAIL đến hạn thanh toán hỗ trợ giao dịch	Email	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi
☒	328E	EMAIL tài khoản HTGD chạm mức cảnh báo	Email	Đã đăng ký	Cho phép thay đổi

Page 1 of 2 (13 items) ◀ 1 2 ▶

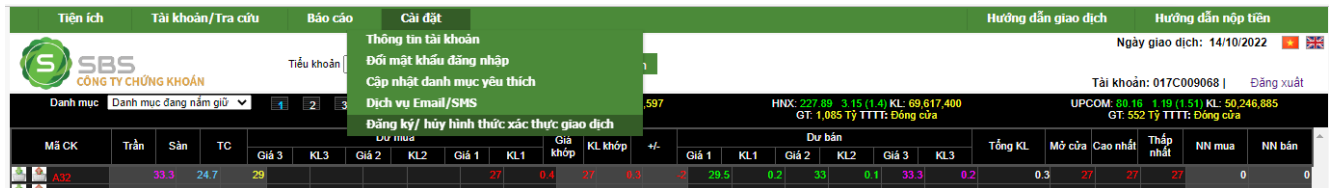
Đăng ký

Bước 1: Đánh dấu ✓ vào các ô vuông bên cạnh dịch vụ muốn đăng ký

Bước 2: Nhấn nút **Đăng ký** để hoàn tất việc đăng ký.

1.7.5. Đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch

Chọn mục “Cài đặt” => “Đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch”



Mô tả: Màn hình Dịch vụ Đăng ký/hủy hình thức giao dịch cho phép khách hàng đăng ký dịch vụ xác thực bằng mã Pin.

Đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch

Hình thức xác thực: Xác thực Pin ▼

Mật khẩu đăng nhập:

Mã Pin giao dịch mới:

Xác nhận mã Pin giao dịch mới:

Đăng ký